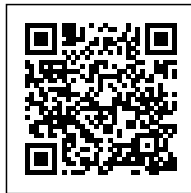


HIỆN TƯỢNG PHÂN HÓA



Phân hóa là một hiện tượng tất yếu trong cuộc sống. Phân hóa để tăng trưởng, phân hóa để phát triển, phân hóa để hủy diệt, phân hóa để biến thái...

Mầm mống sơ nguyên

Trong thời gian, đức Phật đang ở tại Kosambi, có 2 Trưởng lão lãnh đạo hai nhóm Tỳ kheo. Đó là trưởng lão Dhammadhara và trưởng lão Vinayadhara. Nguyên nhân vì vô ý Dhammadhara vi

phạm một lỗi lầm rất nhỏ, Trưởng lão đã ăn năn sám hối trước đại chúng. Ngài Vinayadhara lại đem chuyện ấy bàn tán, phê bình, và chỉ trích giữa những đệ tử của mình, đã làm tổn thương uy tín của ngài Dhammadhara. Đó là lý do chia làm 2 phe, đức Phật đích thân giải quyết mỗi bất hòa này, nhưng không thành công, đức Phật bèn bỏ vào rừng ẩn cư. Nhờ vậy, mỗi tranh tụng được giải quyết.

Chuyện kể tiếp là Đề Bà Đạt Đa

Đề Bà Đạt Đa yêu cầu đức Phật buộc chúng Tỳ kheo giữ thêm năm giới điều sau: (1) Phải sống trong rừng; (2) Chỉ sống bằng thực phẩm do tín đồ bố thí; (3) Y hậu của Tỳ kheo phải may bằng giẻ rách lượm từ những đồng rác (y phẩn tảo); (4) Luôn ngủ dưới gốc cây và không được phép ngủ dưới mái che; (5) Không được ăn cá thịt.

Đức Phật không chấp nhận, Đề Bà Đạt Đa bất mãn, dẫn một số Tỳ kheo ủng hộ chủ trương ấy từ bỏ Tăng đoàn.

Ngay thời đức Phật còn tại thế mà đã có sự phân hóa như thế, thì sau khi Phật nhập diệt, phát sinh các bộ phái là chuyện không thể tránh khỏi. Các bộ phái của Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ; phát sinh các quan điểm, tư tưởng đồng dị của 20 bộ phái, xuất hiện trong khoảng thời gian từ 100 đến 300 năm sau Phật nhập Niết bàn. Nội dung tư tưởng của toàn bộ tác phẩm Bộ Tông Luân Luận chủ yếu xoay quanh bốn vấn đề chính.

- Quan điểm về thân tướng, thọ mạng và oai đức của đức Phật.
- Quan điểm về nghiệp lực và nguyện lực của một vị Bồ Tát.
- Quan điểm về quá trình tu chứng và quả vị của Thanh Văn.
- Các vấn đề khác như thân trung ấm, nghiệp lực, căn trần thức, chủng tử, tâm và tâm sở, tùy miên, kiết sử, bổ đặc già la, phước đức, pháp pháp, thiên chúng, Bát chính đạo...

Nguyên nhân chính phân chia bộ phái, có người cho là do vấn đề năm điều của Mahadeva (Đại Thiên). Thượng tọa bộ kết tội Đại Thiên (người mà từ ngoại giáo gia nhập giáo đoàn còn mang theo tư tưởng không đúng chính pháp, đưa ra 5 điều sai lệch với Thánh chất của một bậc A La Hán.

Cơ bản vẫn là do sự sai biệt trong nhận thức, mỗi cá nhân mang một nghiệp lực khác nhau, cảm quan và kinh nghiệm khác nhau; vì thế, Phật dạy: *“Này các Tỳ kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sinh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sinh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sinh liệt ý chí. Chúng sinh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sinh thiện ý chí”*.

Ngày nay, kinh văn chữ nghĩa rõ ràng thế mà còn “tam sao thất bản” hướng chi xưa kia chỉ khẩu truyền cho nhau. Trường hợp hai trưởng lão kể trên do chấp Kinh và luật mà sinh sự bất đồng. Do nhận thức về giáo luật khác nhau mà phát sinh các bộ phái; từ bộ phái lại chia nhánh thêm các chi phái khác nữa.



Dị Bộ Tông Luân Luận, Vasumitra đã trình bày “*chính vì xiển dương, chấp chặt vào các quan điểm bất đồng, mà các bộ phái xuất hiện*”.

Trong nhận thức cá biệt cũng chịu ảnh hưởng văn hóa, tập quán, địa lý để thích hợp với căn cơ quần chúng bản địa; chính vì thế chư Tổ bảo - “Phật pháp là bất định pháp”, hay là “Thế gian pháp tức Phật pháp”.

Lời dạy của đức Phật về việc sử dụng ngôn ngữ “*Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng*” và “*Này các Tỳ kheo, không nên hoán chuyển lời dạy của chư Phật sang dạng có niêm luật; vị nào hoán chuyển thì phạm tội dukkaja (tác ác). Này các Tỳ kheo, ta cho phép học tập lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính bản thân (sakāya niruttiyā)*”. Theo tinh thần “Phật giáo Phát triển”, linh động, uyển chuyển mọi nghi cách cho thích hợp với căn cơ, trình độ quần chúng địa phương để giáo hóa, lắm khi đi khá xa với phong cách “Phật giáo nguyên thủy”, nhưng nhờ thế mà “Phật giáo Phát triển” dễ thấm thấu vào xã hội và phát triển sâu rộng hơn Phật giáo nguyên thủy - Việc này sẽ dẫn đến những cách hiểu khác nhau về Lời dạy của đức Phật giữa các địa phương. Kinh điển thường nhật, mỗi chùa mỗi khác, Phật tử chùa này đến chùa khác khó mà đọc tụng hòa chúng, thì việc chuẩn hóa tư tưởng giáo nghĩa theo nhận định mỗi cá nhân cũng đưa đến dị biệt bất thường.

Tự do, tự giác, tự ngộ... là tinh thần phóng khoáng trong tư tưởng hay tính mở trong giáo pháp

đã tạo cơ hội cho sự phát huy tài năng - thể hiện quan điểm cá nhân là nguyên nhân của sự phân phái. Một số Tỳ kheo có năng lực xuất chúng, triển khai tư tưởng chỉ có Đại chúng bộ hầu hết tăng trẻ chấp nhận, ngược lại với tinh thần thủ cựu của Thượng tọa bộ, đó là nguyên nhân đưa đến phân phái.

Một số vị căn cơ linh hoạt, y cứ vào lời dạy của Phật để triển khai theo thiên kiến riêng mà nghĩ rằng không sai với giáo nghĩa của Phật như: *“Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá simsapà mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng simsapà? - Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng simsapà. 3) Cũng vậy, này các Tỳ kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!”*. Câu này hàm ý, những gì đức Phật dạy chỉ là một phần rất nhỏ so với thực tế trong cuộc sống mà ngài hiểu biết, ngài chỉ dạy những gì hợp với đương cơ lúc bấy giờ. Những lời dạy của đức Phật được gọi là Pháp nhưng đức Phật chỉ là người phát kiến và khám phá ra Pháp chứ không phải sáng tạo ra Pháp, thế thì những gì đệ tử về sau khám phá ra cũng không hẳn là tư kiến sáng tạo, đức Phật còn dạy rằng: *“Này A Nan, từ nay trở đi, cho phép các Tỳ kheo tùy nghi bỏ các giới cấm nhỏ nhặt”*. Chứng tỏ, giáo pháp của Phật không hề khép kín cô đọng, cứng nhắc theo tinh thần bảo thủ, Thời kỳ tại thế, Phật chuyên tu giải thoát, vì thế ngài không muốn trả lời những thắc mắc về những vấn đề siêu hình, đến hậu thế chuyên về luận thuyết, các bậc trí năng phải vận dụng luận giải để đáp ứng những vấn nạn siêu hình, từ đó các bộ luận của chư Tổ xuất hiện.

Tuy nhiên, tinh thần cởi mở, nhưng không vì thế đi quá xa giáo pháp, lạc sang tà giáo. 5 việc do Mahadeva đưa ra mà thầy Hạnh Bình cho rằng nhờ đó, mở đường cho tinh thần “Phật giáo Phát triển” sinh sôi nảy nở, phải nói rằng, cũng từ đó mà hố phân cách sâu sắc giữa “Phật giáo Phát triển” và “Phật giáo nguyên thủy” hình thành.

Phật giáo khác với các tôn giáo Thần quyền, không có một đấng chuyên nhất nắm quyền phán xét, mà tư cách phán xét nằm ngay lương tri và nhân quả của mỗi cá thể; giá trị cá nhân được đề cao nên từ đó phát sinh nhiều quyền cá biệt mà hầu hết tăng trẻ tương thích thuộc Đại chúng bộ; ngược lại, các bô lão thủ cựu giữ nguyên vị hương chất những gì Phật để lại. Mỗi bộ phái đều có một giá trị cá biệt. Các luận thuyết của Đại chúng bộ nặng về trí luận đáp ứng cho những trí năng học giả hơn là hành giả.

“Y pháp bất y nhân” là sự cảnh tỉnh tránh tình trạng thần tượng hóa đưa đến hội chứng giáo chủ như hiện nay, đức Phật dạy là cần lấy giáo luật làm thầy, vì thế giáo đoàn không có một lãnh đạo quyền uy tối thượng. Nhờ tinh thần này, tuy phân phái nhưng chư Tăng vẫn có thể sống chung trong một ngôi già lam. Và tinh thần thống nhất không thực hiện được là điều tất nhiên. Trong cái ưu vẫn có cái khuyết.

Kinh Tăng Chi bộ, lời Phật dạy gồm 10 điều: chớ vội tin:

01. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó là truyền thuyết.

02. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó thuộc về truyền thống.

03. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó được nhiều người nhắc đến hay tuyên truyền.
04. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong sách vở hay kinh điển.
05. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó lý luận siêu hình.
06. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều đó phù hợp với lập trường của mình.
07. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy phù hợp với định kiến của mình.
08. Chớ vội tin điều gì, khi điều đó được căn cứ trên những dữ kiện hời hợt.
09. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy được sức mạnh và quyền uy ủng hộ.
10. Chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết. Nhưng chỉ tin tưởng cái gì mà chính các người đã từng trải, kinh nghiệm và nhận là đúng, có lợi cho mình và người khác. Chỉ có cái đó mới là đích tối hậu thăng hoa cho con người và cuộc đời. Các người hãy lấy đó làm chuẩn”.

Tăng Chi Bộ Kinh (The Anguttara Nikaya/ The "Further-factored" Discourses)

Khi một người chứng quả vị A La Hán sẽ tự nhận thức được rằng: “*Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa*”. Tuy Mahadeva là nhà thông thái, không có nghĩa là bậc đủ tuệ giác của một vị A La Hán như đoạn kinh trên đây xác định, không thể nói ông ta đã khai sáng cái nhìn mới về một vị đã chứng quả A La Hán. Mahadeva đã trần tục hóa, tầm thường hóa một quả vị mà chính đức Phật đã đạt quả vị đó... Đức Phật dạy ngay một vị chứng sơ thiền cũng đã “ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sinh với tâm với tứ”; hay những bậc chân tu cũng không hề vướng vào những trạng thái của một người tầm thường như thế. Chính quan điểm của Mahadeva đã gây ra cơn sóng phản bác và phân hóa nội bộ.

Trong quá khứ, sự phân hóa do hiểu biết chấp thủ hay phóng khoáng của chư tăng không tương thích với căn cơ chung; có thể quan kiến do đi trước thời đại, dẫu sao cũng căn cứ từ giáo lý, triển khai từ giáo nghĩa, hỗ trợ nhau trong việc tu tập và giúp phát triển Phật pháp. Chính nhờ việc triển khai giáo nghĩa một cách phóng khoáng mang tính văn học của những bộ đại tạng Bắc truyền mà Phật giáo phát triển sâu rộng khắp nơi. Những quốc gia mà Phật giáo Nam truyền biến thành quốc giáo, tuy số lãnh thổ hạn chế, nhưng, chư tăng hành giả giới luật tinh chuyên; Nguyên thủy có cái đẹp và hiệu quả của việc bảo thủ, hạn chế, xây dựng một hình ảnh Tăng đoàn trong sáng, thì Phật giáo Bắc truyền có công phát triển Phật pháp đi vào quần chúng sâu rộng, biết linh động uyển chuyển tương thích với căn cơ thời đại, chính vì cởi mở phóng khoáng, không tránh khỏi việc giới hạn đi xa với giáo luật, giáo lý triển khai xa tầm với của nguyên thủy mà các nhà nghiên cứu cho rằng “Phật giáo phát triển” không thuộc đạo Phật.

Cũng tinh thần diễn biến theo sự hiểu biết, nhận định về kinh giáo, một vài cá nhân chứng tỏ

học hiểu kinh giáo theo một chiều hướng khác, thậm chí một chiều hướng không hẳn Nguyên Thủy, cũng chẳng phải Phát triển. Chư Tổ có lập Tông thì cũng không thể xa rời tôn chỉ giáo nghĩa, ngày nay, một vài tầng trẻ được trang bị kiến thức Phật học từ những giáo thọ ngoại đạo Bà La Môn hay Hồi giáo, tại đất nước Phật giáo chỉ còn những Thánh tích, các bậc chân sư tu chứng hầu như vắng bóng; những giáo thọ như thế chỉ là những học giả, nhà nghiên cứu, chuyên biệt cung cấp kiến thức kinh giáo nguyên thủy. Tiếp nhận truyền thừa mà thiếu sự dung dị với hình thái một Phật giáo ứng biến thích nghi với từng thổ nhưỡng, từ đó tự trang bị cặp kính màu cá biệt và đố kỵ, đôi khi phát kiến những cái hiểu xa lạ, không có trong kinh điển Nguyên thủy cũng chẳng có trong Phật giáo Bắc tông.

Trước khi vào kinh tụng các sư Nam tông cũng đã cung thỉnh:

Xin thỉnh chư Thiên ngự trên cõi Trời dục giới cùng sắc giới, chư Thiên ngự trên đỉnh núi núi không liền, khắp cõi hư không cùng bãi đất liền,...và ngự trên cây cối rừng rậm...Cần thát bà cùng Long vương dưới nước trên bờ...

Nghĩa là chư tăng cung thỉnh tất cả các đấng vô hình hội tụ để văn kinh thánh pháp. Không chỉ Bắc truyền mà cả Nam truyền Phật giáo cũng quan tâm đến thế giới vô hình. Một tôn giáo không chấp nhận thế giới vô hình, đó là tôn giáo “vô thần”. Lục đạo chỉ có cõi người và súc sinh là hữu hình, bốn cõi còn lại đều vô hình. Ngay cả chư Thiên còn có sáu cảnh giới gọi là lục dục Thiên, A Tu La có 150 cõi đa dạng. Cái gọi là vô hình, thật ra tầm nhìn nhục nhãn của chúng sinh bị giới hạn chứ không thể nói là không có. Người tu Phật không tin lời Phật, tự phát kiến quan điểm cá nhân, lạc dẫn đồ chúng, gây hoang mang đức tin cho mọi người, thuộc loại “nhất xiển đề” là “hủy tha tự thán”, kẻ lạm xí Tăng luân.

Rất may, những thành phần kiêu tăng như thế rất ít. Các bậc trưởng thượng tiên phong tiếp thu kiến thức Nikaya, nhận thức được giá trị của “Phật giáo Phát triển”, các ngài đã “thử hòa điệu sống” làm phong phú thêm Phật giáo nước nhà. Nếu phân hóa để phát triển Phật giáo như chư Tổ là bồi đắp nền móng đạo đức, ngược lại, vì bản ngã muốn trở thành giáo chủ theo hội chứng mặt pháp hiện nay, đó là hiện tượng phân hóa biến thái đưa đến hủy diệt. Một sứ giả Như Lai luôn cảnh tỉnh khỏi lạc vào một trong “ngũ ấm ma” kinh Lăng Nghiêm đã cảnh giác.

Tác giả: **Minh Mẫn**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 7/2019